TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **144**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12-8-2024
V/v tranh chấp: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhật

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Kiệt

2. Bà Nguyễn Thị Kiều Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Đoan Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2024/TLST-HNGĐ ngày 09/4/2024 về việc tranh chấp: "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/7/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc D**, sinh năm 1981 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã BT, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Ông **Phạm Lê Châu T**, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:

Bà và ông Phạm Lê Châu T là vợ chồng hợp pháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 49/HT, quyển số I/05 do UBND phường H, thành phố G, tỉnh Tiền Giang cấp vào năm 2005. Từ cuối năm 2023 đến nay, bà và ông T không hợp nhau về lối sống nên hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 1 con chung là cháu Phạm Thành N, sinh ngày 01/12/2006. Bà yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Lê Châu T đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án nhưng không có ý kiến phản hồi gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho có ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đương sự đã chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Giao cháu N cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thị Ngọc D yêu cầu ly hôn với ông Phạm Lê Châu T. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật về tranh chấp "Ly hôn".

Xét bà D có đơn xin vắng mặt là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét ông T đã được Tòa án triệu tập lần 2 mà vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T tại phiên tòa.

[2] Về nội dung: [2.1] Bà D và ông T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 49/HT, quyển số I/05, năm 2005 là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, theo bà D trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ cuối năm 2023 và sống lý thân cho đến nay. Nguyên nhân là do không hợp nhau về lối sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét bà D và ông T có thời gian sống ly thân đã lâu. Ông T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng vẫn không cung cấp ý kiến và vắng mặt không lý do, qua đó cho thấy hôn nhân của hai người đã lâm vào tình trạng trầm trọng. Do đó, việc bà D yêu cầu ly hôn với ông T là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà D và ông T có 1 con chung là cháu Phạm Thành N, sinh ngày 01/12/2006. Bà D yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu

ông T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung và nguyện vọng của cháu N thì cần thiết giao cháu N cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà D không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà D khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Án phí sơ thẩm: Bà D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc D.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Ngọc D được ly hôn với ông Phạm Lê Châu T.

- Về con chung: Có 1 con chung là cháu Phạm Thành N, sinh ngày 01/12/2006. Giao cháu N cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

2. Án phí sơ thẩm: Bà D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0005951 ngày 09/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho nên xem như nộp xong.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Hồng Nhật

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND TP. Mỹ Tho
- Chi cục THADS TP. Mỹ Tho
- UBND phường H, TP. G
- Các đương sự
- Lưu HSAV